

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH HÀ LONG VNDT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH HÀ LONG VNDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110495348

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15 Thôn Đại Gia, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0778316580

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                              | 4330        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                         | 4610        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; Bán buôn phần mềm | 4651(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                          | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                             | 4659        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                   | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa          | 8299        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Ngoại trừ: Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, Đoàn thể)             | 8559        |
| 9.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các hoạt động Nhà nước cấm)                                 | 9329        |
| 10. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công phần mềm tin học. Lập trình máy vi tính. Cài đặt phần mềm.            | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                         | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                             | 6209        |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(trừ kinh doanh dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở)      | 6311        |
| 14. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                   | 6312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) | 6399 |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                | 7020 |
| 17. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo thương mại.                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                        | 7320 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)                                  | 7490 |
| 20. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                       | 1820 |
| 21. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                      | 2610 |
| 22. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                       | 2620 |
| 23. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(trừ thiết bị phát sóng)                                                                                                                                                                      | 2630 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                              | 2640 |
| 25. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                  | 2651 |
| 26. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                                          | 2660 |
| 27. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                          | 2670 |
| 28. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                          | 2732 |
| 29. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                         | 2733 |
| 30. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                       | 2750 |
| 31. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                   | 2817 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;                                                                                                                              | 5229 |
| 33. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                        | 5820 |
| 34. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất phim.                                                                                                                            | 5911 |
| 35. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                | 5912 |
| 36. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.                                        | 6190 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê thiết bị vi tính. Cho thuê máy vi tính.                            | 7730 |
| 38. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 41. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 42. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 43. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)              | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **DƯƠNG ĐÌNH NGHĨA**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/10/1997*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *019097000834*

Ngày cấp: *09/05/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 8, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 8, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: DƯƠNG ĐÌNH NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019097000834

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội